

Sâm Sơn, ngày 24 tháng 8 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ
(Xe ô tô cứu thương)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.
Bệnh viện đa khoa Sâm Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá mua **Xe ô tô cứu thương**).

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Sâm Sơn

Địa chỉ: Số 83 Nguyễn Du – Phường Sâm Sơn - Thanh Hoá

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Vũ Thị Nga - Chức vụ: Trưởng Khoa Dược – VTYT

Số điện thoại: 0818212333

Gmail: vungal5382@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – VTYT - Bệnh viện đa khoa Sâm Sơn. Địa chỉ Số 83 – Phường Sâm Sơn - tỉnh Thanh Hoá

- Nhận qua gmail: vungal5382@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 25 tháng 8 năm 2026 đến trước 17h ngày 5 tháng 9 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

1. Danh mục thiết bị: (Chi tiết như phụ lục đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện đa khoa Sâm Sơn



(Nhà cung cấp phải vận chuyển hàng tới tận Bệnh viện đa khoa Sầm Sơn, hàng được đóng trong thùng nguyên đai kiện. Sau khi bàn giao, nghiệm thu, Nhà cung cấp lắp đặt, chạy thử và hướng dẫn sử dụng cho các cán bộ của đơn vị).

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 20 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

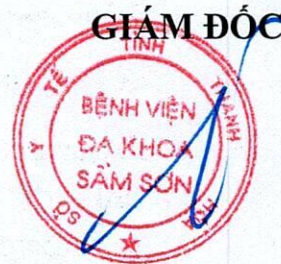
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Đơn vị sẽ thanh toán cho Nhà cung cấp 100% giá trị hợp đồng sau khi Nhà cung cấp bàn giao, nghiệm thu và hoàn tất các chứng từ liên quan theo quy định của Pháp luật.

5. Các thông tin khác: Không

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; D.VTYT;



Đinh Công Hưng





PHỤ LỤC ĐI KÈM YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Mô tả hàng hóa
I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH:	
	Xe ô tô cứu thương -Động cơ xăng 2.0L -Mới 100%, sản xuất 2026 -Tiêu chuẩn khí thải: mức 5 của Việt Nam -Tiêu chuẩn chất lượng xe cứu thương: ISO 9001
1.	Dung tích động cơ: 1997 cc
2.	Công suất cực đại: 162KW/5500 rpm
3.	Momen xoắn: 300Nm/1500-2500 rpm
4.	Kích thước tổng thể, khoảng: 5341 x 2010 x 2440 mm
5.	Chiều dài cơ sở: 3300 mm
6.	Vệt bánh trước/vệt bánh sau: 1736/1720 mm
7.	Trọng lượng toàn bộ: 3300 kg
8.	Dung tích bình nhiên liệu: 80 lít
9.	Nhiên liệu sử dụng: xăng
10.	Hộp số: 6 số sàn(5 số tiến, 1 số lùi)
11.	Hệ thống phanh trước, sau: Phanh đĩa
12.	Hệ thống chống bó cứng phanh ABS
13.	Hệ thống tay lái: Tay lái thuận có trợ lực
14.	Cỡ lốp: 215/65R16
15.	Màu xe: Màu trắng
16.	Số chỗ (ngồi+nằm) kể cả người lái: 8(7 ngồi + 1 nằm)
II. CÁC PHỤ KIỆN TIÊU CHUẨN KÈM THEO GỒM:	

17.	Điều hoà nhiệt độ cho khoang lái và khoang bệnh nhân: 01 bộ
18.	Cửa sổ khoang lái điều khiển điện: 01 bộ
19.	Túi khí bảo vệ người lái: 01 bộ
20.	Khoá cửa trung tâm: 01 bộ
21.	Điều khiển từ xa: 01 bộ
22.	Đồng hồ báo nhiệt độ máy: 01 bộ
23.	Đồng hồ báo mức nhiên liệu: 01 bộ
24.	AM/FM Radio/USB: 01 bộ
25.	Tựa đầu phía trước: 01 bộ
26.	Dây đai an toàn phía trước: 01 bộ
27.	Gương chiếu hậu bên ngoài: 01 bộ
28.	Gương chiếu hậu bên trong: 01 chiếc
29.	Chấn nãg phía trước: 02 chiếc
30.	Rửa kính phía trước (bình chứa dung dịch và cơ cấu phun dung dịch): 01 bộ
31.	Bộ dụng cụ tiêu chuẩn kèm theo xe (gồm kích và tuýp mở lốp, tay kích): 01 bộ
32.	Bánh xe dự phòng: 01 bộ
33.	Bình chữa cháy: 01 bình
34.	Búa thoát hiểm: 01 chiếc
35.	Camera lùi: 01 bộ
36.	Cảm biến lùi: 01 bộ
37.	Hệ thống màn hình cảm ứng: 01 bộ
38.	Hệ thống kiểm soát hành trình: 01 bộ
39.	Hệ thống đèn pha, đèn phanh, đèn xi nhan sau loại LED: Có
III. TRANG THIẾT BỊ KHOANG BỆNH NHÂN:	

40.	Đèn phát tín hiệu ưu tiên loại đèn LED màu đỏ, trên nóc xe phía trước: 01 bộ
41.	Đèn phát tín hiệu ưu tiên loại đèn LED màu đỏ phía sau: 01 bộ
42.	Đèn phát tín hiệu ưu tiên loại đèn LED màu đỏ hai bên sườn xe: 02 bộ
43.	Đèn chiếu sáng hai bên xe phục vụ cấp cứu ban đêm: 02 bộ
44.	Đèn chiếu sáng phía sau giúp lên xuống cang dễ dàng: 01 bộ
45.	Hệ thống còi phát tín hiệu ưu tiên loại đa tần: 01 bộ
46.	Amplify, loa và microphone: 01 bộ
47.	Bộ đổi nguồn Inverter (1000 W): 01 bộ
48.	Đèn chiếu sáng khoang bệnh nhân: 01 bộ
49.	Đèn khử khuẩn: 01 bộ
50.	Bảng điều khiển điện: 01 bộ
51.	Hệ thống điện 12V/DC với 03 ổ cắm: 01 bộ
52.	Hệ thống điện 220V/AC với 03 ổ cắm: 01 bộ
53.	Hệ thống liên lạc Intercom khoang lái và khoang bệnh nhân: 01 bộ
54.	Hệ thống Oxy âm tường 02 bình x 20 lít có kẹp chống sóc: 01 bộ
55.	Quạt thông gió trên trần khoang bệnh nhân: 01 chiếc
56.	Cổng kết nối nhanh hệ thống oxy và máy thở : 01 cái
57.	Cổng kết nối nhanh hệ thống oxy và mask thở : 01 cái
58.	Lưu lượng kế và bình làm ẩm oxy: 01 bộ
59.	Móc treo truyền dịch: 01 bộ
60.	Giá treo bơm tiêm điện/máy truyền dịch: 01 bộ
61.	Tủ đựng thiết bị y tế bằng ABS cao cấp, nhẹ và dễ vệ sinh: 01 bộ
62.	Hai bên thành và trần khoang bệnh nhân bằng nhựa ABS: 01 bộ
63.	Cửa kính ở cửa bên: 01 bộ
64.	Ghế ngồi cho nhân viên y tế phía đầu cang: 01 chiếc
65.	Ghế ngồi cho nhân viên y tế bên cạnh cang: 01 chiếc
66.	Băng ghế cho nhân viên y tế và người nhà bệnh nhân 02 chỗ ngồi: 01 bộ
67.	Hộc để đồ dưới băng ghế: 01 bộ
68.	Ký hiệu và logo chữ thập đỏ: 01 bộ
69.	Vách ngăn có cửa sổ trượt: 01 bộ
70.	Tay nắm kiểu dọc trên trần khoang bệnh nhân: 01 bộ
71.	Sàn được phủ lớp Vinyl trong ngành y tế chống ăn mòn, vệ sinh dễ dàng, thân thiện môi trường: 01 bộ
72.	Cang phụ: 01 cái
73.	Cang chính có bánh xe chân tự bung khi lên xuống xe: 01 cái
74.	Tấm đỡ cang giúp lên xuống xe dễ dàng: 01 bộ

75.	Bộ đỡ cẳng bằng thép chất lượng cao: 01 bộ
76.	MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN THÔNG TIN CHUNG: Chất lượng: Mới 100% Sản xuất: Năm 2026 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE CẤU HÌNH TIÊU CHUẨN - Máy chính : 01 Chiếc - Bao đo huyết áp người lớn : 01 Chiếc - Ống dẫn khí để đo huyết áp : 01 Chiếc - Pin kèm theo máy : 01 Chiếc - Đầu đo nhiệt độ : 01 Cái - Cáp nguồn : 01 Chiếc - Điện cực điện tim : 05 cái - Đầu đo SPO2 người lớn : 01 Chiếc - Cáp điện tim : 01 Chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh : 01 Cuốn - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt : 01 Cuốn THÔNG SỐ KỸ THUẬT Thông số: • Màn hình màu TFT 7” inch • ECG, SpO2, NIBP, Resp, Temp • Đo tim và phân tích HRV, APG Giao tiếp • Cổng RS-232 • Cổng thẻ nhớ SD Nguồn điện • AC 100~240V, 50/60Hz, 50VA • PIN: Li-ion (2 giờ) Hình thức Lưu trữ dữ liệu • Lưu trữ trong bộ nhớ máy: 7 ngày • Lưu trữ dữ liệu trong khoảng thời gian: 1; 5; 15; 30phút ...và 1 giờ • Lưu trữ dữ liệu lên tới 20 trường hợp

Kích thước máy

- 190mm x 200mm x 180mm
- Trọng lượng: 3.0 Kg(Bao gồm Pin)

THÔNG SỐ HOẠT ĐỘNG**ECG**

- Cáp điện tim: cáp 3 điện cực (tùy chọn), cáp 5 điện cực (tiêu chuẩn)
- Số kênh : 3 kênh: 3 đạo trình/ 7 đạo trình (hiển thị đầy đủ)
- Phạm vi đo HR: 0,15~300 bpm (± 1 bpm hoặc 1%)
- Độ nhạy: 2.5, 5, 10, 20, 30, 40, Tự động mm/mV
- Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25, 50 mm/Giây
- Nhịp tim: Nhịp tim/ dò tìm chứng loạn nhịp tim
Chế độ (PNF, PNC)
- Dò tìm chứng loạn nhịp tim:
ASYS,VFIB,PVC,VTAC,BGM,TGM,CPT,SBRD,ATAC,SVT,
VENT,TPT,RonT,MIB
- Phân tích ST: dải đo: -9,9mV ~+ 9,9mV, độ phân giải: ± 0.1 mmV
- Kết quả HR : 4,6,8,12,14 và 16 sóng

SpO2

- Dải đo: 0~100%
- Độ chính xác: 70~100% $\pm 2\%$; 50~69% $\pm 3\%$; 0 ~ 49% không chỉ rõ
- Dải xung: 0,30 ~ 300 bpm(± 2 bpm hoặc $\pm 2\%$)
- Truyền máu thấp: 0.05%
- Thời gian thiết lập: thời gian sóng hiển thị: Tối đa 2 giây, Tỷ lệ phần trăm SpO2 hiển thị: tối đa 10 giây
- Độ nhạy : 0.25, 0.5, 1, 2, 3, 4, Tự động mm/mV
- Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25, 50 mm/Giây

Nhịp thở

- Dải đo: 0,5-150 bpm(± 2 bpm hoặc $\pm 2\%$)
- Ngừng thở: Tắt, 5~40 giây
- Biên độ dạng sóng: x0.25, x0.5, x1, x2, x3, x4

NIBP

- Kỹ thuật: oscillometric, automatic
- Phạm vi đo lường: người lớn, trẻ em: 0 ~ 300 mmHg; Trẻ sơ

sinh: 0 ~ 150 mmHg

- Chỉ số huyết áp trong tĩnh mạch: 50 ~ 200 mmHg

TEMP

- Kênh: 1 (tiêu chuẩn), 2 (tùy chọn)
- Phạm vi đo: 0 ~ 50.0⁰C
- Độ chính xác: 25.0 ~ 50.0⁰C ± 0.1⁰C; 0 ~ 24.9⁰C ± 0.2⁰C